TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Như Học;

Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vương Kim P, sinh năm 1982 (xin vắng).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Trần Tấn P, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Khóm 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2019 và trong quá tình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vương Kim P trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Vương Kim P và anh Trần Tấn P thành hôn từ năm 2004, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu về chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên hôn nhân không hạnh phúc vì vậy chị P, anh P tự nguyện sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nữa nên chị P yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung và cấp dưỡng: Có 01 người con chung tên Trần Mỹ T, sinh năm 2008 (nữ), hiện đang sống chung với chị P. Khi ly hôn về con vợ chồng tự thỏa thuận nhưng ngày 10 tháng 6 năm 2019 chị P có đơn yêu cầu bổ sung về việc được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con là cháu Trần Mỹ T, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Trần Tấn P:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh P không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị P. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh P không tham gia nên Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Vương Kim P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn anh Trần Tấn P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh P là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Vương Kim P và anh Trần Tấn P thành hôn từ năm 2004, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian đầu chung sống với nhau thì hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng chị P và anh P có những bất hòa không tự hàn gắn được, nguyên nhân theo trình bày của

chị P là bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên hôn nhân không đạt được hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị P và anh P cũng không có gặp nhau để giải quyết việc mâu thuẫn và hàn gắn hôn nhân giữa vợ chồng, vì hôn nhân không đạt được hạnh phúc như mong muốn nên chị P yêu cầu ly hôn với anh P.

Xét thấy, chị P và anh P chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của chị P và anh P không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Trần Mỹ T, sinh năm 2008 (nữ), từ khi chị P và anh P sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay thì cháu T vẫn do chị P nuôi dưỡng và chăm sóc, cho nên ngày 10 tháng 6 năm 2019 chị P có đơn yêu cầu bổ sung về phần con chung, khi ly hôn chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T, yêu cầu bổ sung của chị P là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu T thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu Trần Mỹ T, sinh năm 2008 (nữ) cho chị P tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng chị P phải chịu nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vương Kim P và anh Trần Tấn P.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị P tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Mỹ T, sinh năm 2008 (nữ).

Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng chị P phải chịu nộp, chị P có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0016342 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Vặn Tạo